

Bản án số: 192/2026/HS-PT
Ngày: 09/6/2026.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Phạm Tồn**

ông **Đình Phước Hòa**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 232/2025/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) về tội “Trộm cắp tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2025/HSST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

[Nguyễn Thị Quý T](#) - sinh ngày 10/6/1976 tại tỉnh Quảng Nam (cũ); số CCCD: 049176003648; nơi thường trú và nơi ở: [tổ A, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai \(nay là tổ A, phường H, tỉnh Gia Lai\)](#); quốc tịch: Việt Nam; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; con ông [Nguyễn D1](#) và bà [Trần Thị L](#) (đều chết); có chồng [Trần Thành N](#) và có 02 con (lớn sinh năm 1999 và nhỏ sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 14/10/2024 đến ngày 14/3/2025. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo** [Nguyễn Thị Quý T](#) theo yêu cầu của bị cáo: ông [Nguyễn Văn Q](#) - Luật sư của [Công ty L2](#). Có mặt.

* Bị hại: bà [Nguyễn Thị N1](#) - sinh năm 1964.

Trú tại: [số B đường L, tổ G, phường A, tỉnh Gia Lai](#). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/3/2024, [Nguyễn Thị Quý T](#) cùng chồng là ông [Trần Thành N](#) đến nhà bà [Nguyễn Thị N1](#) đặt vấn đề vay 2.300.000.000đồng để đáo hạn ngân hàng. Bà [N1](#) đồng ý và đã chuyển số tiền 2.300.000.000đồng vào tài khoản [Ngân hàng B](#) số 6201489133 của ông [Trần Thành N](#).

Đến ngày 06/3/2024, khi làm thủ tục đáo hạn ngân hàng, [Nguyễn Thị Quý T](#) được ngân hàng thông báo còn nợ tiền lãi 43.000.000đồng và tiền bảo hiểm gói vay 12.000.000đồng. Để đáo hạn ngân hàng thì [T](#) phải nộp thêm số tiền 55.000.000đồng. Sau đó, vợ chồng [T](#) đến nhà bà [N1](#) để vay thêm 55.000.000đồng. Khi đến nhà bà [N1](#), vợ chồng [T](#) mang theo 01 xe ô tô Mitsubishi, nhãn hiệu Xpander mang biển kiểm soát 81A - 383.32. Lúc này bà [N1](#) yêu cầu [T](#) phải có tài sản thế chấp mới đồng ý cho vay thêm 55.000.000đồng, vì khoản vay thêm này là ngoài số tiền vay đáo hạn ngân hàng. Vợ chồng [T](#) đồng ý và tự nguyện để lại chiếc xe ô tô mang BKS 81A - 383.32 thế chấp cho bà [N1](#) quản lý làm tin để vay thêm số tiền 55.000.000đồng.

Do xe ô tô mang tên ông [Võ Ngọc Q1](#) nên bà [N1](#) yêu cầu ông [Võ Ngọc Q1](#) phải đến để ký vào giấy vay mượn tiền. [T](#) đồng ý và gọi ông [Q1](#) đến ký giấy vay mượn số tiền 43.000.000đồng cho bà [N1](#). Trong giấy vay mượn tiền thể hiện nội dung [T](#) và ông [Q1](#) đồng ý thế chấp chiếc xe ô tô nêu trên cho bà [N1](#) quản lý để làm tin vay tiền. Sau đó, bà [N1](#) nhận xe kèm theo các giấy tờ xe phôtô để trong xe và chìa khóa xe ô tô. Bà [N1](#) chuyển số tiền 43.000.000đồng đến tài khoản ngân hàng cho ông [N](#), còn số tiền 12.000.000đồng đến ngày đáo hạn đóng bảo hiểm thì bà [N1](#) chuyển tiếp (tức ngày 11/3/2024). Sau khi nhận xe ô tô mang biển kiểm soát 81A - 383.32 quản lý, bà [N1](#) để xe tại sân trước [khách sạn H](#) (địa chỉ: [số B đường L, tổ G, phường A, tỉnh Gia Lai](#)).

Vì muốn lấy xe ô tô về để nếu ai có nhu cầu thuê xe thì [T](#) sẽ cho thuê nên khoảng 4h50' ngày 11/3/2024, [T](#) mang theo chìa khóa dự phòng của xe ô tô rồi một mình đến [khách sạn H](#). Đến nơi, [T](#) thấy bà [N1](#) để chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 81A - 383.32 ở trước sân [khách sạn H](#). [T](#) quan sát thấy khách sạn có mở cửa nhưng không có người trông coi, trời còn tối nên [T](#) đã lén lút đi đến chiếc xe ô tô đó và sử dụng chìa khóa xe dự phòng mang theo mở cửa xe, lên xe nổ máy và điều khiển chiếc xe đi về nhà mà không thông báo cho bà [N1](#) biết. Đến khoảng 6h00 cùng ngày, [T](#) nhắn cho bà [N1](#) nội dung: “Sáng nay em lấy xe

rồi chị... em xin lỗi chị”. Khoảng 7h00 cùng ngày, ông [N](#) đến gặp bà [N1](#) để cùng ra ngân hàng giải ngân, trả nợ cho bà [N1](#). Đến trưa cùng ngày, bà [N1](#) chuyển vào tài khoản ông [N](#) 12.000.000đồng tiền bảo hiểm cho gói vay đáo hạn của vợ chồng ông [N](#) và yêu cầu ông [N](#) viết thêm 12.000.000đồng vào giấy vay mượn số tiền 2.300.000.000đồng ngày 05/3/2024. Vì phải chờ ngân hàng giải ngân lâu và xe ô tô đã bị [T](#) lấy đi nên bà [N1](#) và ông [N](#) đến quán cà phê tại [số C đường N, thành phố P](#) ngồi chờ, khi nào ngân hàng giải ngân xong và ông [N](#) trả tiền xong thì về. Đến 14h00 cùng ngày, [T](#) thấy ông [N](#) chưa về nên đến cơ quan Công an trình báo về việc ông [N](#) bị bà [N1](#) giữ trái pháp luật. Tại Cơ quan điều tra, bà [N1](#) trình báo về việc bị mất trộm xe ô tô BKS 81A - 383.32. Đến 20 giờ 00 cùng ngày, [Nguyễn Thị Quý T](#) đầu thú.

Đối với 02 giấy vay tiền trên thì sau khi nhận đủ tiền của vợ chồng [Nguyễn Thị Quý T](#) thì bà [Nguyễn Thị N1](#) đã trả lại các giấy vay tiền này cho [T](#) và [T](#) đã xé bỏ.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐGTS ngày 09/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự [Ủy ban nhân dân thành phố P](#) kết luận: xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander, màu trắng, biển kiểm soát 81A - 383.32 vào thời điểm bị chiếm đoạt (ngày 11/3/2024) có giá trị 630.000.000đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 128/2025/HSST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: [Nguyễn Thị Quý T](#) 12 (mười hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/10/2024 đến ngày 14/3/2025.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/6/2025, bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1725/QĐ-VKS ngày 02/10/2025 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai kháng nghị phần hình phạt của bản án sơ thẩm. Hậu quả vụ án đã được khắc phục xong nên đề nghị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#).

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là không đúng, oan cho bị cáo.

- Kiểm sát viên đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng giữ nguyên quyết định kháng nghị phúc thẩm nêu trên và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) là người có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, nhận thức rõ tài sản của mình đã được giao hợp pháp cho người khác với mục đích thế chấp để đảm bảo cho khoản vay mà bị cáo [T](#) đã vay của bà [Nguyễn Thị N1](#) và chỉ được phép lấy lại xe khi được bà [Nguyễn Thị N1](#) đồng ý hoặc đã tất toán xong khoản vay. Nhưng vì tư lợi cá nhân, bị cáo [T](#) đã lén lút lấy lại xe đã giao cho bà [Nguyễn Thị N1](#) quản lý hợp pháp. Hành vi của bị cáo [T](#) đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

+ Về khung hình phạt: bị cáo [T](#) sử dụng xe ô tô thuộc sở hữu của bị cáo giao cho bà [Nguyễn Thị N1](#) với mục đích đảm bảo cho khoản vay 43.000.000đồng. Việc bị cáo [T](#) tự ý lén lút lấy xe về là xâm hại đến quyền đảm bảo cho khoản tiền vay 43.000.000đồng. Khách thể bị xâm hại không phải là giá trị của chiếc xe mà là quyền đảm bảo đối với khoản tiền vay. Cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo [T](#) về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là xác định không đúng khách thể của tội phạm, dẫn đến truy cứu không đúng khung hình phạt.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tối ngày 11/3/2024, bị cáo [T](#) đã trả đủ cho bị hại toàn bộ số tiền vay và tiền lãi nên quyền đảm bảo đối với khoản nợ vay cũng đã chấm dứt. Theo đó, bị cáo [T](#) đã khắc phục xong toàn bộ hậu quả về tài sản của hành vi phạm tội đã thực hiện. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 05 tháng tù (bằng thời hạn đã bị tạm giam), nếu được chấp nhận thì đề nghị Hội đồng xét xử ghi rõ trong bản án bị cáo [T](#) đã chấp hành xong hình phạt.

Luật sư [Nguyễn Văn Q](#) bào chữa cho bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) cho rằng chiếc xe ô tô là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#). Việc chiếc xe ô tô được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay không làm phát sinh sự chuyển dịch quyền sở hữu cho bà [Nguyễn Thị N1](#) và bà [Nguyễn Thị N1](#) chỉ là bên nhận bảo đảm. Không có dấu hiệu “chiếm đoạt” nên không thỏa mãn mặt khách quan và mặt chủ quan của tội phạm. Quan hệ pháp luật giữa các bên là quan hệ dân sự. Án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại (có bản luận cứ bào chữa kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#): quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) lại không thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội, nhưng xét án sơ thẩm xử bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Bởi lẽ:

[1.1] Ngày 05/3/2024, bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) cùng chồng là ông [Trần Thành N](#) đến nhà bà [Nguyễn Thị N1](#) vay số tiền 2.300.000.000đồng để đáo hạn ngân hàng. Ngày 06/3/2024, vợ chồng bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) lại tiếp tục đến nhà bà [Nguyễn Thị N1](#) vay thêm số tiền 43.000.000đồng để trả tiền lãi cho ngân hàng. Lúc này, bà [Nguyễn Thị N1](#) yêu cầu phải có tài sản thế chấp nên bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) đồng ý thế chấp tài sản là chiếc xe ô tô Mistubishi, nhãn hiệu Xpander mang biển kiểm soát 81A-383.32 đang nhờ ông [Võ Ngọc Q1](#) đứng tên. Hai bên có lập văn bản về việc thế chấp chiếc xe ô tô. Sau khi nhận xe ô tô, bà [Nguyễn Thị N1](#) để xe ô tô tại khu vực sân khách sạn Hoàng Hảo của bà [N1](#). Khoảng 05 giờ ngày 11/3/2024, bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) mang theo chìa khóa dự phòng đến trước sân [khách sạn H](#) lén lút điều khiển chiếc xe ô tô nêu trên về nhà. Xét mặc dù chiếc xe ô tô tuy thuộc quyền sở hữu của bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) (do ông [Võ Ngọc Q1](#) đứng tên), nhưng tại thời điểm này chiếc xe ô tô đang thuộc quyền chiếm hữu của bà [Nguyễn Thị N1](#). Xét việc bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) có hành vi lén lút điều khiển chiếc xe ô tô ra khỏi vị trí đang thuộc quyền chiếm hữu của bà [Nguyễn Thị N1](#) là tội phạm đã hoàn thành. Nếu trong trường hợp này, không phát hiện bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) là người chiếm đoạt chiếc xe ô tô thì bà [Nguyễn Thị N1](#) là người phải có trách nhiệm bồi thường cho bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) toàn bộ giá trị chiếc xe ô tô là 630.000.000đồng chứ

không phải chỉ bồi thường 43.000.000đồng hay 55.000.000đồng là số tiền bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) đã vay của bà [Nguyễn Thị N1](#).

[1.2] Hành vi của bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) đã xâm phạm vào quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Theo kết quả định giá, tại thời điểm bị chiếm đoạt chiếc xe ô tô Mitsubishi nhãn hiệu Xpander mang biển kiểm soát 81A-383.32 có giá trị 630.000.000đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000đồng trở lên” theo điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#), đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#).

[2] Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1725/QĐ-VKS ngày 02/10/2025 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, Hội đồng xét xử thấy: tối ngày 11/3/2024, bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) đã trả cho bị hại [Nguyễn Thị N1](#) toàn bộ số tiền vay và tiền lãi nên tài sản bảo đảm đối với khoản nợ vay cũng đã chấm dứt. Hiện tại bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) đã nhận lại chiếc xe ô tô và bà [Nguyễn Thị N1](#) cũng không có yêu cầu gì thêm nên xem như hậu quả của vụ án đã được giải quyết xong. Vì vậy, cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#). Bị cáo [T](#) được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự và chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, giảm cho bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) một phần hình phạt.

[3] Do chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1725/QĐ-VKS ngày 02/10/2025 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#) nên bị cáo [T](#) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo [Nguyễn Thị Quý T](#), chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1725/QĐ-VKS ngày 02/10/2025 của Viện

trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai; sửa hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 128/2025/HSST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thị Quý T 07 (bảy) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 14/10/2024 đến ngày 14/3/2025.

2. Về án phí phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Thị Quý T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Luật sư;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Liên

